

THE CURRENT STATE OF SCHOOL COUNSELING COMPETENCE AMONG PRE - SERVICE TEACHERS

Tran Thi Bích Diệp

Email: ttbdiep@daihocthudo.edu.vn

Hanoi Metropolitan University
No. 98 Duong Quang Ham street,
Nghia Do ward, Hanoi, Vietnam

Received: 15/7/2025

Revised: 23/9/2025

Accepted: 10/10/2025

Published: 20/11/2025

Abstract: School psychological counseling is an important task for teachers in today's general education context. However, most pre-service teachers—especially those not majoring in Psychology—have not been adequately prepared to effectively undertake this role. This study investigates the current status of school counseling competence among 823 students and 30 lecturers at three major teacher training institutions in Northern Vietnam. Based on a competency framework with five components (awareness of counseling activities; understanding students' psychological characteristics and difficulties; planning counseling activities; designing and implementing counseling sessions; and cooperating with families and communities), the survey instrument was designed using a five-point Likert scale. Data were analyzed with SPSS 27.0, complemented by interviews, observations, and practicum product analysis. Findings indicate that students' overall counseling competence is at an average level. Among the components, competence in understanding students' psychological characteristics and difficulties was rated highest, while planning counseling activities and cooperating with families and communities were identified as the weakest areas. These results highlight a lack of specialized courses, practical experience, and skills in implementation and collaboration. The study provides important empirical evidence for teacher training institutions to revise curricula, develop dedicated courses, and enhance practice- and experience-based learning opportunities to foster school counseling competence for future teachers.

Keywords: *Psychological counseling competence, pre-service teachers, school counseling, teacher education institutions, part-time school counselors, teacher training.*

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC TƯ VẤN TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM

Trần Thị Bích Diệp

Email: ttbdiep@daihocthudo.edu.vn

Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội
98 Dương Quang Hàm, phường Nghĩa Đô,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 15/7/2025

Chỉnh sửa xong: 23/9/2025

Chấp nhận đăng: 10/10/2025

Xuất bản: 20/11/2025

Tóm tắt: Tư vấn tâm lý học đường là một nhiệm vụ quan trọng của giáo viên trong bối cảnh giáo dục phổ thông hiện nay. Tuy nhiên, phần lớn sinh viên Sư phạm - đặc biệt là sinh viên không chuyên ngành Tâm lý học - vẫn chưa được trang bị đầy đủ để đảm nhận hiệu quả vai trò này. Nghiên cứu này khảo sát thực trạng năng lực tư vấn tâm lý học đường của 823 sinh viên và 30 giảng viên tại ba cơ sở đào tạo giáo viên lớn ở miền Bắc Việt Nam. Trên cơ sở khung năng lực gồm năm thành phần (nhận thức về hoạt động tư vấn; tìm hiểu đặc điểm tâm - sinh lý và khó khăn của học sinh; xây dựng kế hoạch tư vấn; thiết kế, thực hiện chuyên đề tư vấn; phối hợp với gia đình và cộng đồng), công cụ khảo sát được thiết kế dưới dạng thang Likert 5 mức độ. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 27.0, kết hợp với phỏng vấn, quan sát và phân tích sản phẩm thực tập. Kết quả cho thấy năng lực tư vấn tâm lý học đường của sinh viên nhìn chung mới đạt mức trung bình. Trong đó, năng lực tìm hiểu đặc điểm tâm - sinh lý và khó khăn của học sinh được đánh giá cao nhất, trong khi năng lực xây dựng kế hoạch tư vấn và năng lực phối hợp với gia đình - cộng đồng còn nhiều hạn chế. Thực trạng này phản ánh sự thiếu hụt về học phần chuyên biệt, cơ hội trải nghiệm thực tiễn và kỹ năng triển khai, phối hợp. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm quan trọng cho các trường sư phạm trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo, thiết kế học phần, tăng cường hoạt động thực hành - trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng, nhằm phát triển năng lực tư vấn tâm lý học đường cho giáo viên tương lai.

Từ khóa: *Năng lực tư vấn tâm lý, sinh viên Sư phạm, tư vấn học đường, trường đại học, giáo viên kiêm nhiệm.*

1. Đặt vấn đề

Tư vấn tâm lý học đường là một hoạt động thiết yếu trong trường phổ thông, nhằm hỗ trợ học sinh phát triển hài hòa về mặt cảm xúc, hành vi, nhận thức và năng lực xã hội. Ở nhiều quốc gia phát triển, công tác này đã được chuyên môn hóa với đội ngũ chuyên gia được đào tạo bài bản, có chứng chỉ hành nghề và làm việc trong các hệ thống hỗ trợ chuyên nghiệp (Capuzzi & Gross, 2017; NASP, 2020). Tư vấn học đường không chỉ giúp học sinh vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống, mà còn góp phần phòng ngừa các hành vi lệch chuẩn, tăng cường sức khỏe tâm thần và xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện.

Ở Việt Nam, công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông được quy định chính thức tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó xác định rõ vai trò của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và tổ tư vấn học đường trong việc phát hiện, hỗ trợ và can thiệp tâm lý cho học sinh. Bên cạnh đó, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã nhấn mạnh yêu cầu phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học, đặc biệt là các năng lực như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, thích ứng với hoàn cảnh, giải quyết vấn đề... Đây là những năng lực có liên quan mật thiết đến sự phát triển tâm lý cá nhân và xã hội của học sinh. Từ đó, đặt ra yêu cầu giáo viên cần có năng lực hỗ trợ, định hướng và tư vấn cho học sinh trong quá trình học tập và trưởng thành.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, phần lớn giáo viên phổ thông hiện nay chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện công tác tư vấn bài bản và hiệu quả. Hoạt động tư vấn tại nhiều trường vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân và tinh thần trách nhiệm của giáo viên, chưa có sự thống nhất về nội dung, hình thức và quy trình thực hiện.

Một trong những vấn đề đặt ra hiện nay là cần phải đào tạo và bồi dưỡng năng lực tư vấn tâm lý học đường cho sinh viên Sư phạm, đặc biệt là sinh viên không thuộc chuyên ngành Tâm lý học. Đây là lực lượng tiềm năng cho vị trí kiêm nhiệm công tác tư vấn học sinh sau khi ra trường, song trong quá trình học tập tại các cơ sở đào tạo giáo viên lại chưa có nhiều cơ hội tiếp cận chuyên sâu với lĩnh vực này. Ở nhiều trường, đã có nội dung về tư vấn học đường nhưng chưa định hướng mục tiêu/yêu cầu cần đạt rõ ràng; hơn nữa, còn phân tán trong các học phần chung như: Tâm lý học, Giáo dục học, Hoạt động trải nghiệm, chưa được tích hợp một cách hệ thống.

Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội, Trường Đại học

Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên là ba cơ sở đào tạo giáo viên chủ chốt khu vực phía Bắc, cung cấp nguồn nhân lực giáo dục cho nhiều địa phương, bao gồm cả những khu vực thiếu đội ngũ tư vấn tâm lý chuyên trách. Tuy nhiên, đến nay, vẫn chưa có nhiều nghiên cứu tập trung khảo sát một cách hệ thống thực trạng năng lực tư vấn tâm lý học đường của sinh viên Sư phạm không chuyên ngành Tâm lý học tại các cơ sở này. Việc nhận diện thực trạng là cơ sở cần thiết để đề xuất các giải pháp đào tạo và bồi dưỡng phù hợp, chuẩn bị cho sinh viên đảm nhiệm tốt vai trò giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn học đường trong tương lai.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phân tích, tổng hợp tài liệu

Tác giả tiến hành phân tích các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến tư vấn tâm lý học đường và phát triển năng lực tư vấn tâm lý cho giáo viên, sinh viên Sư phạm. Tài liệu được thu thập từ các cơ sở dữ liệu học thuật như Google Scholar, ERIC, APA, ASCA, cùng với các văn bản chính sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2010 - 2025. Tiêu chí chọn lọc gồm: 1) Tài liệu được công bố từ năm 2010 trở lại đây để đảm bảo tính cập nhật; 2) Các công trình có phản biện khoa học (Peer-reviewed) hoặc tài liệu chính thức của tổ chức quốc tế/cơ quan quản lý giáo dục; 3) Có nội dung trực tiếp liên quan đến năng lực tư vấn tâm lý học đường hoặc đào tạo giáo viên ở Việt Nam. Việc phân tích, tổng hợp tài liệu nhằm xây dựng cơ sở lý luận, xác định khái niệm “Năng lực tư vấn tâm lý học đường” và làm nền tảng xây dựng khung năng lực, công cụ khảo sát thực tiễn.

2.2. Khảo sát bằng bảng hỏi

Nghiên cứu phát ra 978 phiếu khảo sát cho sinh viên Sư phạm khối trung học (không chuyên ngành Tâm lý học) và 30 phiếu cho giảng viên tại ba trường đại học ở miền Bắc Việt Nam (HNUE, HNMU, TNUE). Sau khi thu thập và sàng lọc, có 823 phiếu sinh viên (tỉ lệ hợp lệ 84,1%) và 30 phiếu giảng viên (100%) được đưa vào phân tích.

Thiết kế công cụ: Phiếu khảo sát được xây dựng dựa trên khung năng lực gồm 5 thành tố, với các chỉ báo hành vi cụ thể cho từng thành tố. Quy trình thiết kế gồm: 1) Xây dựng ma trận câu hỏi dựa trên khung năng lực; 2) Tham vấn ý kiến của 10 chuyên gia trong lĩnh vực Tâm lý học giáo dục và đào tạo giáo viên; 3) Thử nghiệm với 60 sinh viên để đánh giá mức độ rõ ràng, phù hợp; 4) Kiểm định độ tin cậy

và giá trị của thang đo thông qua Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA). Kết quả kiểm định cho thấy tất cả nhóm năng lực đều đạt độ tin cậy tốt ($\alpha > 0.70$).

Tiêu chí chọn mẫu: Đối với sinh viên, tiêu chí gồm: 1) Đang học năm thứ 2 đến năm thứ 4; 2) Thuộc các ngành đào tạo giáo viên trung học (Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội, Ngoại ngữ...); 3) Kết quả học tập từ mức trung bình trở lên. Đối với giảng viên, tiêu chí là: 1) Giảng dạy các học phần có lồng ghép nội dung tư vấn tâm lý hoặc nghiệp vụ sư phạm; 2) Có kinh nghiệm hướng dẫn sinh viên thực tập. Việc chọn mẫu sinh viên được thực hiện theo phương pháp phân tầng kết hợp ngẫu nhiên, đảm bảo cân đối về giới tính, ngành học và kết quả học tập.

Phân tích dữ liệu: Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, phản ánh mức độ thuận thực năng lực tư vấn tâm lý học đường. Nghiên cứu quy ước điểm trung bình theo 5 mức: Kém (1.00–1.80), Yếu (1.81–2.60), Trung bình (2.61–3.40), Khá (3.41–4.20), Tốt (4.21–5.00). Dữ liệu được xử lý bằng SPSS 27.0 với các kỹ thuật: Thống kê mô tả (điểm trung bình, độ lệch chuẩn), kiểm định t độc lập, ANOVA và hệ số tương quan Pearson.

2.3. Phỏng vấn sâu

Để bổ sung dữ liệu định tính, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 10 giảng viên phụ trách các học phần có lồng ghép nội dung tư vấn tâm lý và 15 sinh viên tham gia khảo sát. Câu hỏi tập trung vào nhận thức, kinh nghiệm rèn luyện và khó khăn khi thực hiện hoạt động tư vấn tâm lý trong quá trình học tập, thực tập. Phỏng vấn được ghi chép và mã hóa chủ đề nhằm làm rõ bối cảnh, bổ sung minh chứng cho kết quả khảo sát định lượng.

2.4. Quan sát và phân tích sản phẩm

Quan sát được thực hiện trong các buổi rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực tập tại trường phổ thông để ghi nhận biểu hiện hành vi tư vấn của sinh viên trong tình huống thực tế (Ví dụ: Trợ giúp học sinh có khó khăn tâm lý, tham gia tổ chức hoạt động phòng ngừa khó khăn tâm lý ở trường học...). Đồng thời, một số sản phẩm học tập (kế hoạch tư vấn tâm lý, báo cáo thực tập) được phân tích để bổ sung minh chứng khách quan cho thực trạng năng lực tư vấn tâm lý của sinh viên.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm

3.1.1. Khái niệm “Năng lực tư vấn tâm lý”

Theo Vũ Dũng (2012): “Tư vấn tâm lý là quá trình tương tác giữa người có chuyên môn với người gặp

khó khăn tâm lý thông qua trao đổi, chia sẻ, định hướng, gợi mở và tìm kiếm nguồn lực để trên cơ sở đó, người gặp khó khăn tâm lý tự lựa chọn cách thức giải quyết vấn đề có hiệu quả nhất cho chính mình”. Trong lĩnh vực giáo dục phổ thông, Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định: Tư vấn tâm lý cho học sinh là sự hỗ trợ nhằm giúp các em nâng cao hiểu biết về bản thân, hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ xã hội, từ đó tăng cường cảm xúc tích cực, khả năng tự quyết và thích ứng trong tình huống khó khăn; đồng thời góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.

Thực tế cho thấy, để thực hiện tốt công tác này, giáo viên cần có nhiều kỹ năng cơ bản như thiết lập quan hệ, lắng nghe, phản hồi, đặt câu hỏi... cùng với tri thức nền tảng về đánh giá tâm lý học sinh. Đây vừa là yêu cầu, vừa là thách thức bởi đa số giáo viên phổ thông hiện nay chưa được đào tạo bài bản về tư vấn học đường. Trong nghiên cứu của mình, Lê Thực Anh (2023) đã tiếp cận năng lực tư vấn học đường theo cấu trúc tri thức - kỹ năng - thái độ nhưng đồng thời cụ thể hóa thành các nhóm năng lực gắn với nhiệm vụ của viên chức tư vấn học sinh theo Thông tư 11/2024/TT-BGDĐT, bao gồm: nhận thức về hoạt động tư vấn, tìm hiểu học sinh, xây dựng kế hoạch, thiết kế - thực hiện hoạt động và phối hợp các lực lượng giáo dục.

Kế thừa và điều chỉnh từ những cách tiếp cận trên, trong nghiên cứu này chúng tôi quan niệm: “Năng lực tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm là tổ hợp những tri thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, thể hiện ở sự nhận thức đúng về vai trò và nguyên tắc của công tác tư vấn tâm lý học đường; khả năng tìm hiểu, phân tích đặc điểm và những khó khăn tâm lý mà học sinh gặp phải; khả năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động tư vấn - tham vấn tâm lý phù hợp với nhu cầu, lứa tuổi và hoàn cảnh cá nhân của học sinh; đồng thời biết phối hợp với các bên liên quan để hỗ trợ học sinh giải quyết khó khăn tâm lý, góp phần phát triển nhân cách, nâng cao sức khỏe tâm thần và năng lực thích ứng xã hội cho các em”.

3.1.2. Khung năng lực tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm

Trên cơ sở khung năng lực của Lê Thực Anh (2023) dành cho giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn, chúng tôi tiến hành điều chỉnh và phát triển để áp dụng cho đối tượng sinh viên Sư phạm. Khung năng lực điều chỉnh này vẫn giữ nguyên 5 nhóm thành tố chính:

1) Nhận thức về hoạt động tư vấn học đường.

- 2) Tìm hiểu đặc điểm tâm – sinh lí và khó khăn của học sinh.

3) Xây dựng kế hoạch tư vấn.

4) Thiết kế và thực hiện hoạt động tư vấn.

5) Phối hợp với gia đình và các lực lượng giáo dục.
- Sự điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo viên trong bối cảnh hiện nay, tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng thang đo và các biện pháp rèn luyện năng lực tư vấn tâm lí học đường cho sinh viên Sư phạm khối trung học (xem Bảng 1 và Bảng 2).

Bảng 1: Các năng lực thành phần trong năng lực tư vấn tâm lí của sinh viên Sư phạm

STT	Năng lực thành phần	Mô tả
1	Nhận thức về hoạt động tư vấn tâm lí học đường	Trình bày được khái niệm, mục tiêu, vai trò, nguyên tắc và phương pháp cơ bản của tư vấn tâm lí trong nhà trường; có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm, chuẩn mực đạo đức và ý nghĩa của hoạt động tư vấn đối với sự phát triển toàn diện của học sinh.
2	Tìm hiểu đặc điểm tâm - sinh lí và khó khăn của học sinh trung học cơ sở	Mô tả, nhận diện được đặc điểm phát triển tâm lí - sinh lí lứa tuổi trung học cơ sở; phát hiện, phân tích những khó khăn mà học sinh gặp phải trong học tập, quan hệ bạn bè, gia đình và đời sống học đường, làm cơ sở cho hoạt động tư vấn.
3	Xây dựng kế hoạch tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở	Xác định được nhu cầu và mục tiêu tư vấn; lựa chọn định hướng tư vấn phù hợp; xây dựng kế hoạch khả thi với các bước, điều kiện và phương tiện cụ thể để hỗ trợ học sinh.
4	Thiết kế, lựa chọn và thực hiện chuyên đề tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở	Lựa chọn chủ đề phù hợp với nhu cầu và đặc điểm học sinh; Thiết kế nội dung, phương pháp, hình thức triển khai; Tổ chức thực hiện các chuyên đề nhằm giúp học sinh nâng cao kĩ năng sống, kĩ năng ứng phó và phát triển nhân cách.
5	Phối hợp gia đình, cộng đồng trong tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở	Thiết lập và duy trì sự hợp tác với cha mẹ học sinh, giáo viên, cán bộ quản lí và các lực lượng xã hội khác; cùng phối hợp phát hiện vấn đề, thống nhất biện pháp và hỗ trợ học sinh kịp thời, hiệu quả.

Bảng 2: Các chỉ số hành vi trong năng lực tư vấn tâm lí của sinh viên Sư phạm

Năng lực thành phần	Các chỉ số hành vi
1. Nhận thức về hoạt động tư vấn tâm lí	1.1. Giải thích được các vấn đề về tư vấn học đường cho học sinh trung học cơ sở. 1.2. Xác định được chủ thể chính của hoạt động tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở. 1.3. Liệt kê được các yêu cầu về đạo đức trong tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở. 1.4. Xác định được các phương pháp và hình thức tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở. 1.5. Thể hiện sự tích cực, chủ động vận dụng kiến thức và kĩ năng về tư vấn tâm lí trong nhà trường phổ thông. 1.6. Thể hiện tinh thần chủ động bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kĩ năng tư vấn tâm lí.
2. Tìm hiểu đặc điểm tâm – sinh lí và khó khăn của học sinh trung học cơ sở	2.1. Mô tả được những đặc điểm tâm - sinh lí học sinh trung học cơ sở. 2.2. Nhận diện được những khó khăn của học sinh trung học cơ sở trong cuộc sống học đường. 2.3. Thể hiện thái độ sẵn sàng lắng nghe, tìm hiểu để đánh giá học sinh một cách khách quan.
3. Xây dựng kế hoạch tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở	3.1. Xác định được nhu cầu tư vấn, hỗ trợ của học sinh trung học cơ sở. 3.2. Xác định mục tiêu của kế hoạch tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở phù hợp. 3.3. Lựa chọn được định hướng tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở. 3.4. Lập kế hoạch khả thi cho hoạt động tư vấn tâm lí. 3.5. Tổ chức đầy đủ các điều kiện và phương tiện để thực hiện kế hoạch tư vấn tâm lí.
4. Thiết kế, lựa chọn và thực hiện chuyên đề tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở	4.1. Xác định được căn cứ xây dựng, lựa chọn và thực hiện chuyên đề tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở. 4.2. Xác định được các bước trong quy trình xây dựng, lựa chọn, thực hiện chuyên đề tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở. 4.3. Triển khai hiệu quả chuyên đề tư vấn tâm lí cho học sinh trung học cơ sở.

Năng lực thành phần Các chỉ số hành vi

4.4. Đánh giá chính xác kết quả thực hiện chuyên đề tư vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở.
4.5. Thể hiện thái độ chủ động, tích cực lựa chọn, thực hiện chuyên đề tư vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở.

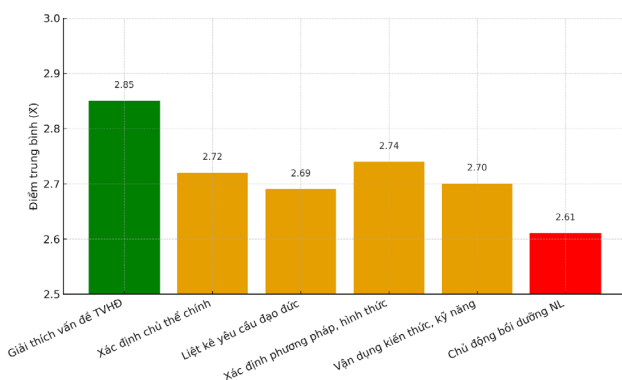
5. Phối hợp gia đình, cộng đồng trong tư vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở

5.1. Thiết kế được kế hoạch phối hợp gia đình, cộng đồng để tổ chức tư vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở.
5.2. Xây dựng được cơ chế phối hợp gia đình, cộng đồng trong tư vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở.
5.3. Tổ chức thực hiện được kế hoạch phối hợp các lực lượng trong tư vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở.
5.4. Đánh giá được việc thực hiện kế hoạch phối hợp các lực lượng trong tư vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở.
5.5. Thể hiện thái độ tích cực, chủ động phối hợp các lực lượng trong tư vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở.

3.2. Thực trạng năng lực tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm

Trước khi phân tích chi tiết các năng lực thành phần, chúng tôi tiến hành kiểm định độ tin cậy và tính hợp lệ của bộ công cụ khảo sát. Kết quả cho thấy các thang đo thành phần của năng lực tư vấn tâm lý đều có hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,74 đến 0,78, vượt ngưỡng 0,7, phản ánh tính nhất quán nội tại tốt. Đồng thời, phân tích tương quan Pearson chỉ ra rằng các năng lực thành phần có mối quan hệ thuận chiều, với mức ý nghĩa $p \leq 0,05$. Như vậy, công cụ khảo sát đảm bảo độ tin cậy và có thể sử dụng để phân tích thực trạng. Trên cơ sở đó, dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả (Mean, SD, tần suất, tỉ lệ %) để phản ánh mức độ biểu hiện của các năng lực. Kết quả phân tích cụ thể được trình bày ở các tiểu mục sau.

3.2.1. Thực trạng năng lực nhận thức về hoạt động tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm



Biểu đồ 1: Thực trạng năng lực nhận thức về hoạt động tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm

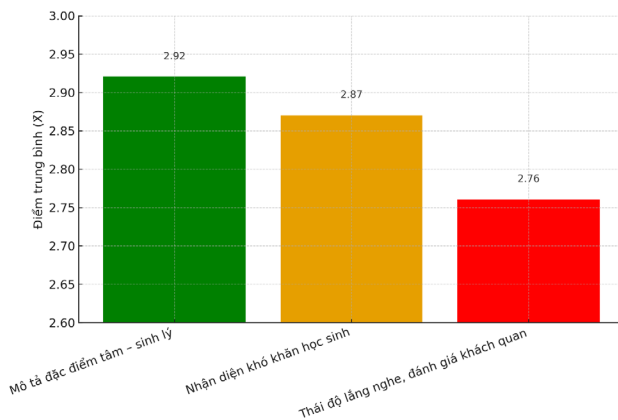
Kết quả khảo sát ở Biểu đồ 1 cho thấy, năng lực này của sinh viên chỉ đạt mức trung bình (Điểm trung

bình = 2.72). Trong đó, biểu hiện “Giải thích được các vấn đề về tư vấn học đường” có điểm trung bình cao nhất ($\bar{X} = 2.85$), phản ánh rằng sinh viên đã có kiến thức khái quát ban đầu. Các biểu hiện còn lại như: “Xác định chủ thể chính”, “Xác định phương pháp và hình thức tư vấn”, “Liệt kê yêu cầu đạo đức” dao động quanh mức trung bình ($\bar{X} = 2.69-2.74$). Đáng chú ý, “Thể hiện tinh thần chủ động bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng” có điểm số thấp nhất ($\bar{X} = 2.61$), cho thấy sinh viên chưa có ý thức mạnh mẽ trong việc tự học, tự rèn luyện.

Phân tích báo cáo thực tập cho thấy sinh viên có thể trình bày khái niệm chung về tư vấn học đường, nhưng còn lúng túng khi phân biệt với tham vấn hoặc hỗ trợ tâm lý. Nội dung về đạo đức nghề nghiệp và phương pháp tư vấn mới dừng ở mức liệt kê, thiếu vận dụng vào tình huống cụ thể. Quan sát thảo luận nhóm cho thấy, nhiều sinh viên tham gia tích cực nhưng khi áp dụng vào xây dựng tình huống giả định vẫn còn hạn chế. Kết quả phỏng vấn cũng củng cố nhận định này như SV05 thừa nhận: “Em có thể giải thích khái niệm tư vấn học đường nhưng chưa rõ ràng khi phân biệt với tham vấn tâm lý. Khi đi thực tập, em chỉ biết nói chung chung với học sinh chứ chưa có cách áp dụng cụ thể.” Giảng viên (GV02) nhận xét: “Sinh viên còn thiếu sự chủ động trong việc tự tìm hiểu tài liệu, nên kiến thức về tư vấn học đường của các em chưa sâu, chưa gắn với thực tiễn.”

3.2.2. Thực trạng năng lực tìm hiểu đặc điểm tâm - sinh lý và khó khăn của học sinh trung học cơ sở của sinh viên Sư phạm

Kết quả khảo sát cho thấy năng lực tìm hiểu đặc điểm tâm - sinh lý và khó khăn của học sinh được đánh giá ở mức trung bình khá (Điểm trung bình =



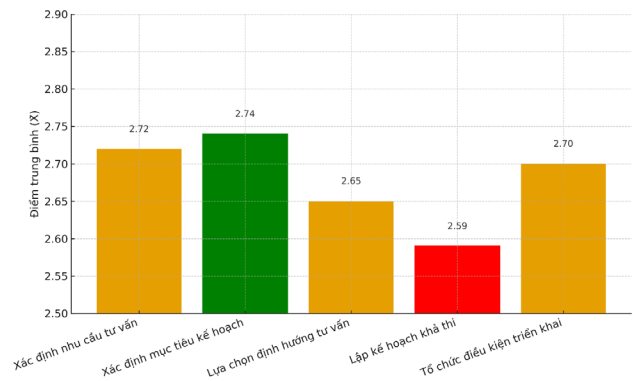
Biểu đồ 2: Thực trạng năng lực tìm hiểu đặc điểm tâm - sinh lý và khó khăn của học sinh trung học cơ sở của sinh viên Sư phạm

2.85), cao nhất trong năm năng lực thành phần. Biểu hiện nổi bật nhất là khả năng mô tả đặc điểm tâm - sinh lý của học sinh ($\bar{X} = 2.92$), phản ánh rằng sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản từ các học phần Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học giáo dục. Biểu hiện “Nhận diện khó khăn của học sinh” đạt mức trung bình khá $\bar{X} = 2.87$, cho thấy sinh viên đã bước đầu quan tâm đến những vấn đề thực tế như áp lực học tập, quan hệ bạn bè hay mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên, biểu hiện “Thái độ sẵn sàng lắng nghe và đánh giá khách quan” có điểm thấp nhất ($\bar{X} = 2.76$), phản ánh sự thiếu hụt kỹ năng giao tiếp tâm lý và kinh nghiệm thực hành (xem Biểu đồ 2).

Phân tích báo cáo thực tập cho thấy, sinh viên thường mô tả đúng đặc điểm phát triển tâm - sinh lý nhưng ít liên hệ với tình huống lớp học cụ thể; khi gặp khó khăn, họ thường ghi nhận hiện tượng mà chưa chỉ ra nguyên nhân sâu xa. Quan sát trong thực hành cũng cho thấy một số sinh viên chưa thực sự kiên nhẫn, dễ đưa ra kết luận vội vàng. Kết quả phỏng vấn củng cố nhận định này: “Em biết lứa tuổi trung học cơ sở có nhiều biến động tâm sinh lý, nhưng khi gặp học sinh hay cáu gắt, em chưa biết đánh giá nguyên nhân do tuổi dậy thì hay do hoàn cảnh gia đình” (SV12). Giảng viên nhận xét: “Sinh viên có kiến thức cơ bản nhưng khi áp dụng vào thực tiễn thì còn hơi hợt, đặc biệt trong việc lắng nghe và đánh giá khách quan học sinh” (GV03).

3.2.3. Thực trạng năng lực xây dựng kế hoạch tư vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở

Kết quả khảo sát ở Biểu đồ 3 cho thấy năng lực này của sinh viên Sư phạm chỉ đạt mức trung bình (Điểm trung bình = 2.68), thấp nhất trong năm nhóm năng lực thành phần. Trong đó, biểu hiện cao nhất



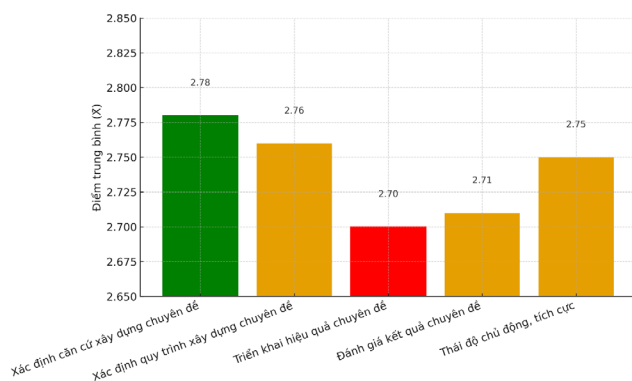
Biểu đồ 3: Thực trạng năng lực xây dựng kế hoạch tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm

là “Xác định mục tiêu kế hoạch tư vấn” ($\bar{X} = 2.74$), nhưng vẫn chỉ dừng ở mức trung bình. Biểu hiện thấp nhất là “Lập kế hoạch khả thi” ($\bar{X} = 2.59$), phản ánh rõ sự lúng túng khi chuyển ý tưởng thành kế hoạch cụ thể, có thể triển khai. Các biểu hiện khác như xác định nhu cầu, lựa chọn định hướng, tổ chức điều kiện triển khai đều dao động quanh mức trung bình ($\bar{X} = 2.65$ – 2.72).

Quan sát tại các buổi thực hành cho thấy nhiều sinh viên soạn thảo kế hoạch còn mang tính hình thức, các bước rời rạc, thiếu gắn kết giữa nhu cầu - mục tiêu - hoạt động, đồng thời ít chú trọng đến điều kiện thực tế. Công tác huy động nguồn lực (giáo viên, phụ huynh, đoàn thể) hầu như chưa được đề cập, khiến kế hoạch thiếu tính khả thi. Phỏng vấn sinh viên cũng cho thấy sự hạn chế này: “Em thường viết kế hoạch rất chung, kiểu ghi mục tiêu là giúp học sinh học tốt hơn, chứ chưa biết cụ thể cần làm gì” (SV08). Một sinh viên khác chia sẻ: “Nếu làm bài tập nhóm thì dễ hơn, nhưng khi tự viết thì em loay hoay không biết bắt đầu từ đâu” (SV15). Giảng viên hướng dẫn nhận xét: “Sinh viên thường có ý tưởng tốt, nhưng khi chuyển thành kế hoạch cụ thể thì còn rất yếu, ít tính toán đến nguồn lực và điều kiện thực tế” (GV05).

3.2.4. Thực trạng năng lực thiết kế, lựa chọn và thực hiện chuyên đề tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm

Kết quả khảo sát cho thấy, năng lực của sinh viên chỉ đạt mức trung bình (Điểm trung bình = 2.74). Các biểu hiện có điểm số khá đồng đều, dao động từ 2.70 đến 2.78. Trong đó, “Xác định căn cứ” ($\bar{X} = 2.78$) và “Xác định quy trình” ($\bar{X} = 2.76$) được đánh giá cao hơn, cho thấy sinh viên đã nắm được một số kiến thức nền tảng. Ngược lại, “Triển khai hiệu quả” ($\bar{X} = 2.70$) và “Đánh giá kết quả chuyên đề” ($\bar{X} = 2.71$) có điểm thấp nhất, phản ánh hạn chế trong khâu tổ chức và phản tư (xem Biểu đồ 4).



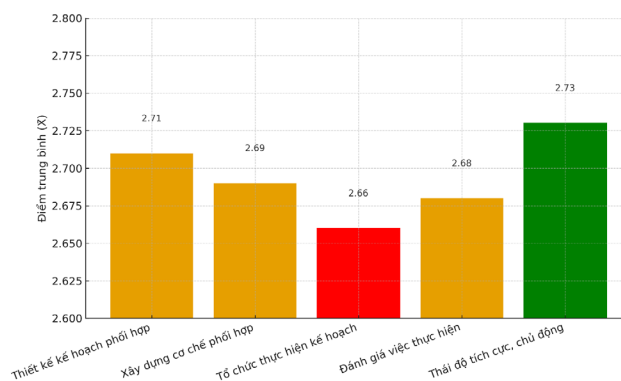
Biểu đồ 4: Thực trạng năng lực thiết kế, lựa chọn và thực hiện chuyên đề tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm

Quan sát thực hành cho thấy sinh viên có nhiều ý tưởng khi thiết kế chuyên đề, song triển khai còn rời rạc, thiếu gắn kết giữa mục tiêu - nội dung - phương pháp; công tác đánh giá chủ yếu dừng ở mức lấy ý kiến chung, thiếu công cụ đo lường cụ thể. Phòng vấn cũng cho kết quả tương tự: “Em thấy phần thiết kế thì dễ, nhưng đến khi đứng trước học sinh thì em bị cuống, nói không đúng như trong kịch bản” (SV04). Một sinh viên khác chia sẻ: “Phần đánh giá em chỉ hỏi học sinh xem có thấy hay không, chứ chưa biết cách đo mức độ thay đổi” (SV13). Giảng viên hướng dẫn nhận xét: “Sinh viên có tinh thần tích cực nhưng chưa có kỹ năng triển khai, đánh giá; nhiều chuyên đề làm xong chỉ dừng ở mức minh họa” (GV09).

3.2.5. Thực trạng năng lực phối hợp với gia đình, cộng đồng trong tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm

Kết quả khảo sát cho thấy, năng lực này chỉ đạt mức trung bình (Điểm trung bình = 2.70), đồng thời là một trong những năng lực yếu nhất trong năm nhóm năng lực thành phần. Trong đó, biểu hiện “Thái độ tích cực, chủ động phối hợp” có điểm số cao nhất ($\bar{X} = 2.73$), phản ánh tinh thần sẵn sàng hợp tác của sinh viên. Ngược lại, “Tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp” có điểm số thấp nhất ($\bar{X} = 2.66$), cho thấy hạn chế về kỹ năng triển khai thực tế. Các biểu hiện còn lại dao động từ 2.68–2.71, chủ yếu ở mức trung bình (xem Biểu đồ 5).

Quan sát thực tế tại các đợt thực tập cho thấy sinh viên thường tham gia vào hoạt động phối hợp dưới sự hướng dẫn của giáo viên, chưa có cơ hội đứng ra tổ chức độc lập. Các buổi họp phụ huynh, sinh hoạt đoàn thể hay kết nối với cộng đồng chủ yếu do nhà trường chủ trì, khiến kỹ năng thiết kế và triển khai kế hoạch phối hợp của sinh viên còn mang tính hình thức. Kết quả phỏng vấn cũng củng cố nhận định này: “Em chỉ hỗ trợ giáo viên trong họp phụ huynh



Biểu đồ 5: Thực trạng năng lực phối hợp với gia đình, cộng đồng trong tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm

chứ chưa bao giờ tự làm việc trực tiếp với cha mẹ học sinh” (SV01). “Phần phối hợp với cộng đồng thì bọn em hầu như chưa được thực hành, nên rất lúng túng” (SV07). Giảng viên (GV08) nhận xét: “Sinh viên có thiện chí và thái độ tốt, nhưng thiếu kỹ năng và điều kiện trải nghiệm, nên năng lực phối hợp còn hạn chế”.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, năng lực tư vấn tâm lý của sinh viên Sư phạm không chuyên ngành Tâm lý học nhìn chung mới đạt mức trung bình. Trong năm năng lực thành phần, chỉ có năng lực tìm hiểu đặc điểm tâm - sinh lý và khó khăn của học sinh được đánh giá ở mức khá hơn (Điểm trung bình = 2.85), trong khi các năng lực khác - đặc biệt là năng lực xây dựng kế hoạch tư vấn tâm lý và năng lực phối hợp với gia đình, cộng đồng - có điểm số thấp nhất (Điểm trung bình = 2.68 - 2.70). Điều này phản ánh những tồn tại, hạn chế rõ rệt: Sinh viên mới chủ yếu dừng ở mức nhận thức lý thuyết, còn thiếu kỹ năng triển khai thực tế, chưa thành thạo trong việc phối hợp nhiều lực lượng giáo dục.

Phân tích định tính từ báo cáo thực tập, quan sát và phỏng vấn cũng củng cố nhận định này. Sinh viên giải thích khái niệm, nêu ý tưởng hoặc liệt kê nguyên tắc, nhưng còn lúng túng khi xây dựng kế hoạch tư vấn khả thi, triển khai hoạt động thực tế, phối hợp với phụ huynh - cộng đồng và đánh giá hiệu quả. Nhiều sản phẩm học tập còn mang tính hình thức, thiếu sự gắn kết giữa mục tiêu, nội dung và điều kiện thực hiện.

Nguyên nhân của thực trạng trên xuất phát từ nhiều phía: Thứ nhất, chương trình đào tạo hiện nay mới chỉ lồng ghép nội dung tư vấn tâm lý trong các học phần Tâm lý học, Giáo dục học, Nghiệp vụ sư phạm, chứ chưa thiết kế thành học phần chuyên biệt,

có hệ thống. Thứ hai, các hoạt động thực hành, trải nghiệm tư vấn tâm lý cho sinh viên còn ít, thiếu chiều sâu, chưa tạo được môi trường rèn luyện kỹ năng. Thứ ba, năng lực tư vấn của sinh viên còn chịu ảnh hưởng bởi môi trường thực tập tại các trường phổ thông, sự hướng dẫn của giảng viên, mức độ hỗ trợ của nhà trường cũng như động cơ và thái độ tự học, tự rèn luyện của bản thân sinh viên.

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng, việc phát triển năng lực tư vấn tâm lý học đường cho sinh viên Sư phạm cần được xem là một mục tiêu quan

trọng trong đào tạo giáo viên. Các trường, khoa sư phạm cần: 1) Tích hợp nội dung tư vấn tâm lý thành học phần/chuyên đề chuyên biệt, đảm bảo tính hệ thống; 2) Mở rộng các hình thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm gắn với tình huống tư vấn thực tế tại trường phổ thông; 3) Xây dựng môi trường trải nghiệm, mô phỏng tình huống tư vấn để sinh viên rèn kỹ năng phối hợp với phụ huynh và cộng đồng; 4) Kết hợp đánh giá lý thuyết với đánh giá qua sản phẩm, tình huống thực hành nhằm hình thành và phát triển toàn diện năng lực tư vấn cho giáo viên tương lai.

Tài liệu tham khảo

- American School Counselor Association (ASCA). (2014). *ASCA mindsets & behaviors for student success: K-12 college- and career-readiness standards for every student*. Alexandria, VA: ASCA.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 02 năm 2017 Hướng dẫn công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018c). *Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 Hướng dẫn công tác xã hội trong trường học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *Thông tư số 11/2024/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2024 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập*.
- Capuzzi, D. & Gross, D. R. (2017). *Introduction to the counseling profession* (7th ed.). Routledge.
- Dumitru, G. (2015). Professional behavior of the teacher that can be improved through training programs. In E. Soare & C. Langa (Eds.), *Education facing contemporary world issues - EDU WORLD 2022* (Vol. 5, pp. 207–216). European Publisher. <https://doi.org/10.15405/epes.23045.21>.
- Erford, B. T. (2018). *Professional school counseling: A handbook of theories, programs, and practices* (4th ed.). Routledge.
- Lê Thực Anh. (2023). Xây dựng và sử dụng khung năng lực trong phát triển đội ngũ giáo viên làm công tác tư vấn học đường ở trường tiểu học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(10), 63–72. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311008>.
- National Association of School Psychologists (NASP). (2020). *NASP 2020 domains of practice*. <https://www.nasponline.org/standards-and-certification/nasp-2020-professional-standards-adopted/nasp-2020-domains-of-practice>.
- Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên). (2018). *Tài liệu bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Văn Bắc, Nguyễn Bá Phú, Hồ Huy Hậu & Đoàn Văn Hoá. (2022). Thực trạng kỹ năng tư vấn tâm lý học đường của cán bộ, giáo viên ở một số trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, tỉnh Thừa Thiên Huế và một số đề xuất. *Tạp chí Giáo dục*, 22(15), tr.49–54.
- Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2018). *Teachers and school leaders as lifelong learners*. In *Teaching and Learning International Survey (TALIS)*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/talis-2018-en>.
- Romasz, T. E., Kantor, J. H. & Elias, M. J. (2004). Implementation and evaluation of urban school-wide social-emotional learning programs. *Evaluation and Program Planning*, 27(1), 89–103. <https://doi.org/10.1016/j.evalprogplan.2003.05.002>.
- Vũ Dũng (Chủ biên). (2012). *Từ điển thuật ngữ tâm lý học*. NXB Từ điển Bách Khoa.